TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST Ngày 13-5-2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Trần Thiện Lộc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hoài T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Công K, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn P xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Khu phố N, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hoài T trình bày:

Bà Phạm Hoài T và ông Trần Công K tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân dưới sự đồng ý của gia đình hai bên; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2019 ngày 26/9/2019.

Sau khi kết hôn, bà T và ông K cùng đến làm ăn, sinh sống ở Bình Dương. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông K không làm tròn trách nhiệm

người chồng, người cha trong gia đình. Ông K không chăm sóc bà T khi có thai và sinh con, không chu cấp tiền cho vợ con. Bà T đã chuyển về nhà mẹ ruột ở huyện B, tỉnh Bình Phước từ khi sinh con năm 2019 đến nay. Vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có cách hòa giải, hàn gắn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống cả hai. Bà T và ông K đã ly thân hơn 02 năm. Đến nay, bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đăng Kh, sinh ngày 21/11/2019. Hiện nay, bà T đang trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện nhà xa, con nhỏ, điều kiện sức khỏe không đảm bảo để tham gia phiên tòa, bà Phạm Hoài T có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Trần Công K theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông K không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 22/10/2021 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T: Ông Trần Công K, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn Phú Vinh, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước có đăng ký tạm trú và còn sinh sống ở địa chỉ: Khu phố N, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn gia đình của bà Phạm Hoài T và ông Trần Công K: Do bà T và ông K không đăng ký kết hôn ở UBND phường H, không cùng sinh sống ở địa phương, không đến địa phương trình báo về mâu Tẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định. Ông Trần Công K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung: Bà Phạm Hoài T và ông Trần Công K tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Ông K đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do vậy, bà T yêu

cầu ly hôn ông K là có căn cứ. Về con chung: Bà T đang nuôi con, điều kiện chăm sóc tốt nên việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Trần Công K nhưng ông K không đến Tòa làm việc, khôm tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Tai phiên tòa, ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; bà Phạm Hoài T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoài T và ông Trần Công K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà T và ông K không có cuộc sống hạnh phúc, ông K không chăm lo cho gia đình. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông K không đến Tòa án cho thấy ông K không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà T kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đăng Kh, sinh ngày 21/11/2019. Hiện nay, con đang sống chung với bà T, được chăm sóc, giáo dục tốt, đảm bảo các điều kiện vật chất và tinh thần. Do đó, yêu cầu của bà T về việc trực tiếp nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà Phạm Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hoài T đối với ông Trần Công K về việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hoài T đối với bị đơn ông Trần Công K về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoài T được ly hôn với ông Trần Công K.

2.2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Đăng Kh, sinh ngày 21/11/2019 cho bà Phạm Hoài T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Công K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Hoài T và ông Trần Công K đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Phạm Hoài T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012239 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Phạm Hoài T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Chi cục THADS huyện R, tỉnh Bình Phước (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga